

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 16-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sùng A Lù;

2. Ông Vũ Hoàng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại tổ dân phố số 2, thị trấn Trại Tầu, huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 03/2020/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành C, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1979 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn 8, xã N, thị xã N (trước đây là tổ 8, thị trấn Nông Trường N, huyện V), tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng C và bà Hà Thị N; có vợ là Đào Thị Y và 02 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2019 đến 22-11-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “Có mặt”.

- Người có quyền lợi liên quan:

+ Chị Đào Thị Y, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn 8, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- Người chứng kiến:

+ Anh Sùng A T, sinh năm 1991; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 30 phút, ngày 19-11-2019 tại lán, ở ven suối, thuộc khu vực thôn S, xã P, huyện T; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Nguyễn Thành C có hành vi chuẩn bị sử dụng ma túy (thuốc phiện), thu giữ tại nơi C nằm hút thuốc phiện 01 (một) bộ bàn đèn tự tạo và 01 (một) gói nilon màu trắng, bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. Nguyễn Thành C khai nhận chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ là thuốc phiện, C mua của bà K tên thật là Trang Thị D; trú tại thôn S, xã P, huyện T, với giá 200.000 đồng; mục đích bị cáo mua thuốc phiện để sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 223/GĐMT ngày 25-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận:

Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Thành C có khối lượng là 3,5 gam (*ba phẩy năm gam*) là ma túy, là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-TT ngày 20-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Nguyễn Thành C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Nguyễn Thành C khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ thuốc phiện bị cáo đã thực hiện. Người có quyền lợi liên quan đề nghị xin lại tài sản là chiếc xe máy.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ phong bì, đã mở niêm phong, mảnh nilon. 01 (một) bộ bàn đèn tự tạo, đã cũ.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thành C: 5.820.000 đồng; 01 (một) chiếc ví da màu nâu, đã cũ qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, máy đã cũ qua sử dụng.

Trả lại chị Đào Thị Y: 01 (một) xe máy màu sơn nâu, loại xe nữ, nhãn hiệu TENDER, biển kiểm soát 21V4 - 9300, xe đã cũ qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo C phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trầm Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 12 giờ 30 phút, ngày 19-11-2019 tại lán, ở ven suối, thuộc khu vực thôn S, xã P, huyện T ; Nguyễn Thành C có hành vi cất giữ bất hợp pháp tại nơi C đang nằm chuẩn bị sử dụng thuốc phiện 3,5 (*ba phẩy năm*) gam thuốc phiện. Mục đích bị cáo tàng trữ thuốc phiện là để sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Thành C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy (thuốc phiện) đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. 3,5 (*ba phẩy năm*) gam thuốc phiện mà bị cáo C tàng trữ đã đủ về khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo C thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C thực hiện đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt và tại phiên tòa, bị cáo C đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thành C là người nghiện chất ma túy, nên xác định bị cáo là người có nhân thân không tốt tại địa phương.

[6] Bị cáo C tàng trữ khối lượng ma túy ít (3,5 gam); mục đích tàng trữ để sử dụng, nên hành vi tội phạm của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Hội đồng xét xử áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt để xét xử bị cáo cũng đủ cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa, xác định bị cáo C không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng cũng như không có tài sản chung có giá trị lớn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng:

Đối với: 3,5 (*ba phẩy năm*) gam thuốc phiện thu giữ của Nguyễn Thành C, cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với: 02 (*hai*) vỏ phong bì, đã mở niêm phong, mảnh nilon; 01 (*một*) bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện. Đây là những vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 5.820.000 đồng; 01 (*một*) chiếc ví da màu nâu, đã cũ qua sử dụng và 01 (*một*) chiếc điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, máy đã cũ qua sử dụng, thu giữ của bị cáo C. Đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (*một*) xe máy màu sơn nâu, loại xe nữ, nhãn hiệu TENDER, biển kiểm soát 21V4 - 9300, xe đã cũ qua sử dụng. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc bị cáo sử dụng xe máy đi mua thuốc phiện, vợ bị cáo không biết, không có lỗi. Nên cần căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để trả xe máy cho gia đình bị cáo, cụ thể là trả cho vợ của bị cáo là Đào Thị Y quản lý.

[9] Án phí và các vấn đề khác:

Đối với Trang Thị D là người bị cáo C khai đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai, Trang Thị D không thừa nhận bán thuốc phiện cho bị cáo C; hiện Trang Thị D vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được, nên chưa có căn cứ để xử lý đối với Trang Thị D.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 03 ngày tạm giữ.

3. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (*hai*) vỏ phong bì, đã mở niêm phong, mảnh nilon; 01 (*một*) bộ bàn đèn tự tạo, đã cũ;

Trả lại bị cáo Nguyễn Thành C: 5.820.000 (*năm triệu tám trăm hai mươi nghìn*) đồng (đã được niêm phong); 01 (*một*) chiếc ví da màu nâu, đã cũ qua sử dụng; 01 (*một*) chiếc điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, máy đã cũ qua sử dụng;

Trả lại chị Đào Thị Y: 01 (*một*) xe máy màu sơn nâu, loại xe nữ, nhãn hiệu TENDER, Biển kiểm soát 21V4 - 9300, xe đã cũ qua sử dụng.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo C phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân